

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2025/HS-ST

Ngày 26 - 3 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Thanh Tâm.

Ông Phạm Duy Long.

*** Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 26/3/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2025/TLST-HS ngày 11/02/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 32/2025/QĐXXST-HS ngày 11/3/2025 đối với bị cáo:

Trần Ngọc T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 03/9/1994 tại Thái Bình; nơi thường trú: Thôn TĐ, xã TL, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Đang chấp hành án phạt tù; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân số: 034094009XXX; con ông Trần Ngọc P và bà Nguyễn Thị D; có vợ là Vi Thị V; có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định số 320/QĐ/XPVPHC ngày 12/9/2012, Công an huyện V, tỉnh Thái Bình xử phạt vi phạm hành vi về hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác bằng hình thức phạt tiền (đã nộp phạt xong). Bản án số 90/2017/HSST ngày 01/12/2017, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xử phạt 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự. Bản án số 14/2018/HSST ngày 16/3/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt Trần Ngọc T 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự, tổng hợp với 06 tháng tù tại Bản án

số 90/2017/HSST ngày 01/12/2017 Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình, như vậy, T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 03 năm 06 tháng tù (đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/01/2020). Bản án số 59/2023/HS-ST ngày 22/8/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 07 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 23/3/2023 về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 170 Bộ luật Hình sự; hiện Trần Ngọc T đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Thanh Lâm - Bộ Công an, được trích xuất về Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình từ ngày 27/9/2024 đến ngày 27/3/2025.

- **Bị hại:** Anh Trịnh Văn D, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn TH, xã BT, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

- **Người làm chứng:**

1. Anh Phạm Văn H, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

2. Anh Trần Văn S, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn BDB, xã TL, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

3. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn L, xã BT, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

4. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1992; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Thanh Lâm, tỉnh Thanh Hóa. (vắng mặt)

5. Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn TH, xã BT, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

6. Anh Trần Quang Đ, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn T, xã TL, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

7. Anh Trần Mạnh C, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn M, xã VH, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

8. Anh Vũ Văn Kh, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn TĐ, xã TL, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

9. Chị Cồ Thị L, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn TĐ, xã TL, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

10. Anh Nguyễn Đức Ph, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn BDN, xã TL, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

11. Anh Trần Sách H, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn BDB, xã TL, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 11/02/2015, Trần Văn S gọi điện cho Trần Ngọc T (S tạm trú tại Hà Nội, T thuê nhà trọ ở Hà Nội và ở cùng Nguyễn Văn B, Trần Mạnh C) nói “*Mấy anh em ra ngõ, anh chở về quê*”, T đồng ý. S điều khiển xe ô tô INOVA (không nhớ B số) đến đón T, B, C và gọi điện cho Phạm Văn H cũng đang ở trên Hà Nội rủ về cùng. S điều khiển xe ô tô chở T, B, C, H về Thái Bình. Trên đường về, sau khi nghe điện thoại của Nguyễn Đức Ph, S nói với mọi người “*Nhà Ph bị đập phá, anh em mình về đây xem sao*”, tất cả đồng ý. Khi về đến cầu TĐ thuộc địa phận thôn TĐ, xã TL, huyện V, tỉnh Thái Bình, C xuống xe đi về nhà. S điều khiển xe chở T, B, H đi theo hướng UBND xã TL, huyện V, tỉnh Thái Bình để vào nhà Ph. Khi đi gần đến nhà Ph thì gặp một nhóm thanh niên khoảng 10 người, trong đó có Trần Quang Đ, Phạm Văn T cầm dao, kiếm đứng cạnh xe ô tô nhãn hiệu Transhit. Thấy xe của S, do nghĩ là Ph nên nhóm người này lên xe ô tô đuổi theo. S điều khiển xe đi theo hướng về thôn Tăng Bồng, xe ô tô nhãn hiệu Transhit tiếp tục đuổi phía sau. Thấy vậy, S điều khiển xe đi lên đoạn đường đê, xe ô tô nhãn hiệu Transhit dừng lại, có 03 người đàn ông đầu trọc trên xe đi xuống tay cầm theo dao và kiếm đến định chặn xe S, S điều khiển xe đi nhanh nên những người trên không chặn được xe của S. Sau đó, S chở mọi người về nhà S, S cùng B bê đồ ăn S mua trước đó cho bố mẹ để vào trong nhà. S tiếp tục điều khiển xe chở T, B, H đi ra hướng cầu Nhất tìm quán ăn đêm thì lại gặp chiếc xe ô tô trên, chiếc xe ô tô đuổi theo xe của S, S điều khiển xe chạy qua Xí nghiệp Gạch ngói Tự Tân và đỗ xe ở đây khoảng 20 phút rồi điều khiển xe chở T, B, H ra đường Quốc lộ 10A đi hướng về cầu TĐ tìm quán ăn đêm. Khi đến cây xăng thuộc thôn TĐ, S thấy đối diện cây xăng có quán phở bò Nam Định của gia đình anh Vũ Văn Kh nên điều khiển xe quay lại. Tại quán phở bò Nam Định lúc này có anh Trịnh Văn D, Nguyễn Đình T, Nguyễn Văn T, Trịnh Xuân S, Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn C vừa ăn đêm với nhau xong ra đến cửa quán thì gặp Trần Quang Đ đi cùng Trần Sách S và Trần Sách H đến. Do có quen biết Đ nên anh D ra nói chuyện với Đ. Sau đó, Đ đi vào trong quán ngồi với Sỹ và Hồng còn anh D ra đứng ở cửa quán chờ bạn lấy xe đi về. Lúc này, S đến và dừng xe trước khu vực quán phở bò. S, T nhận ra Đ là người trong nhóm trên xe ô tô nhãn hiệu Transhit vừa đuổi S và thấy một số người cầm chai bia trên tay đang đứng trong quán. Thấy nhóm của S, Đ vào trong quán cầm bàn và ghé ném về phía nhóm S. S nhớ mấy ngày trước có nhặt được một dao bằng kim loại, dài khoảng 60cm đầu nhọn và 02 tuýp sắt phi 21 dài khoảng 70cm đang để

trên xe nên S chạy ra xe lấy dao. H và T thấy S cầm dao nên cũng chạy ra xe và tìm được 02 đoạn tuýp sắt, mỗi người cầm một tuýp. Lúc này, B rút trong người ra một khẩu súng hoa cải (B nhặt được từ trước), bắn lên trời một phát, khi nghe thấy tiếng súng nổ, Đ chạy về phía bếp của quán cầm thớt ném về phía nhóm S, S cầm dao lao vào phía Đ, Đ tiếp tục lấy nước nóng hắt về phía S. Thấy vậy, B dùng súng bắn thêm một phát về phía góc tường quán. S dùng dao chém vào lưng Đ 02 cái và dùng chân tay không đánh vào người Đ. T, H dùng tuýp sắt định đánh người trong nhóm của Đ đang đứng ở cửa quán, nhóm này bỏ chạy nên không đánh được. Lúc này, T phát hiện thấy anh Trịnh Văn D đang đứng ở khu vực trước cửa quán là người trước đó có mâu thuẫn với T. T đi đến gần anh D, dùng tuýp sắt vụt 01 phát theo hướng từ trên xuống dưới về phía anh D, anh D giơ tay phải lên đỡ nên bị vụt trúng vào cẳng tay phải và đỉnh đầu bên phải, anh D ngã nằm ra đất rồi đứng dậy bỏ chạy. Sau đó, S, T, B, H lên xe ô tô đi Hà Nội và vứt toàn bộ hung khí xuống sông. Sau khi sự việc xảy ra, anh Trịnh Văn D có đơn trình báo Công an huyện V, tỉnh Thái Bình về việc bị thương tích, anh Trần Quang Đ không bị thương tích, không có đơn trình báo, đề nghị gì.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 53TgT ngày 04/5/2015, Trung tâm Pháp y Sở Y tế Thái Bình kết luận: Anh Trịnh Văn D bị đa chấn thương vùng đầu và tay phải do vật tày rần gây lên làm gãy 1/3 dưới xương trụ phải. Đã được mổ đóng đinh và buộc chỉ thép. Hiện tại còn đau và vận động cổ tay phải hạn chế. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh D do thương tích gây nên tại thời điểm hiện tại là 12% (mười hai phần trăm).

Ngày 15/6/2015, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Thái Bình ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 54/QĐ-CSĐT về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngày 15/11/2015, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Thái Bình ra Quyết định số 01/QĐ-CSĐT tạm đình chỉ vụ án hình sự do chưa xác định được bị can. Ngày 04/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Thái Bình ra Quyết định số 749/QĐ-ĐCSHS phục hồi điều tra vụ án hình sự. Ngày 14/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Thái Bình ra Quyết định khởi tố bị can số 164/QĐ-CSĐT đối với Trần Ngọc T về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Quá trình điều tra, Trần Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên và đã tác động đến gia đình bồi thường cho anh Trịnh Văn D số

tiền là 10.000.000 đồng. Anh D đã nhận đủ số tiền trên, không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Trần Ngọc T.

Cáo trạng số 21/CT-VKSVT ngày 11/02/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình để xét xử đối với Trần Ngọc T về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134) Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Trần Ngọc T khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc T phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134), các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo T mức án tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 07 năm tù tại Bản án số 59/2023/HS-ST ngày 22/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình. Buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày ngày 23/3/2023. Không đặt ra giải quyết về trách nhiệm dân sự. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Trần Ngọc T đồng ý với tội danh Viện kiểm sát đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo Trần Ngọc T nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở về gia đình, trở thành người công dân có ích cho xã hội. Bị cáo hứa sẽ không tái phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Ngọc T khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với đơn trình báo và lời khai của bị hại, bệnh án và bản kết luận giám định pháp y về thương tích của bị hại, lời khai của những người làm chứng, ngoài ra, còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 11/02/2015 tại khu vực cửa quán phở của gia đình anh Vũ Văn Kh ở thôn TĐ, xã TL, huyện V, tỉnh Thái Bình, do có mâu thuẫn từ trước nên Trần Ngọc T đã có hành vi dùng tuýp sắt phi 21, dài khoảng 70cm, là hung khí nguy hiểm, vụt 01 phát theo hướng từ trên xuống dưới vào cẳng tay phải và vùng đỉnh đầu bên phải của anh Trịnh Văn D. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh D do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 12%. Hành vi đó của Trần Ngọc T đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

...;

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

...

[4] Đánh giá về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, thấy: Hành vi của Trần Ngọc T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự trị an xã hội.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi do mình thực hiện nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của bị hại anh Trịnh Văn D là 12%.

[5] Đánh giá về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, thấy: Trần Ngọc T không phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội, bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường khắc phục xong toàn bộ thiệt hại về sức khỏe cho bị hại, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với bị cáo, thấy: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội lần này, năm 2012 Trần Ngọc T đã bị xử phạt hành chính về hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác và sau khi thực hiện hành vi lần này, trong các năm 2017, 2018 Trần Ngọc T đều đã bị kết án về tội “Cố ý gây thương tích” và năm 2023 bị kết án về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, hiện đang trong thời gian chấp hành án phạt tù. Theo quy định pháp luật, quyết định xử phạt hành chính và các bản án đã xét xử với bị cáo không xác định là tiền án, tiền sự nhưng cần đánh giá bị cáo có nhân thân không tốt. Do đó, HĐXX cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm minh để cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần đấu tranh phòng ngừa chung.

[7] Bị cáo Trần Ngọc T đang chấp hành hình phạt 07 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” tại Bản án số 59/2023/HS-ST ngày 22/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình. Do đó, Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt đối với bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự.

[8] Về bồi thường thiệt hại: Quá trình điều tra, Trần Ngọc T đã tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại xong cho bị hại anh Trịnh Văn D với số tiền là 10.000.000 đồng. Xét thấy thỏa thuận của các bên là tự nguyện, phù hợp pháp luật, bị hại đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu, đề nghị gì khác, do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[9] Về các vấn đề khác:

9.1. Đối với thương tích của anh Trần Quang Đ do Trần Văn S gây ra: Tại cơ quan điều tra, anh Đ xác định bị thương tích nhẹ, không đi điều trị tại đâu và anh Đ không có yêu cầu, đề nghị gì. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện

V, tỉnh Thái Bình đã có Công văn gửi Bệnh viện Đa khoa huyện V, Bệnh viện Hoàng An và Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình xác định thời gian xảy ra sự việc không có người nào tên là Trần Quang Đ khám, điều trị tại các bệnh viện trên nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

9.2. Đối với hành vi của Nguyễn Văn B, tại Bản án số 54/2015/HSST này 01/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình và Bản án số 76/2015/HSPT ngày 28/10/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đã xử phạt B 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/4/2015 về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 230 Bộ luật Hình sự.

9.3. Đối với Trần Văn S, Nguyễn Văn B, Phạm Văn H: Trên đường từ Hà Nội về Thái Bình, sau khi nghe điện thoại của Nguyễn Đức Ph, S nói với mọi người “*Nhà Ph bị đập phá, anh em mình về đấy xem sao*”, tất cả đồng ý. Khi S điều khiển xe chở T, B, H đi gần đến nhà Ph thì gặp một nhóm thanh niên khoảng 10 người, trong đó có Trần Quang Đ và Phạm Văn Thế cầm dao, kiếm đứng cạnh xe ô tô nhãn hiệu Transhit. Thấy xe của S, nhóm người này lên xe ô tô đuổi theo. S điều khiển xe bỏ chạy và đi về nhà cất đồ ăn. Sau đó, S điều khiển xe chở T, B, H đến quán phở bò Nam Định của gia đình anh Vũ Văn Kh để ăn đêm. Tại quán, nhóm S gặp và xảy ra đánh nhau với nhóm của Đ nhưng không thương tích cho ai. Sau đó, Trần Ngọc T phát hiện thấy anh Trịnh Văn D là người mâu thuẫn trước đó với T nên T đã dùng tuýp sắt đánh gây thương tích cho anh D. Việc T gây thương tích cho anh D là mâu thuẫn cá nhân giữa T và anh D, T không bàn bạc hay thống nhất gì với S, H, B nên S, H, B không đồng phạm với T về hành vi này.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Ngọc T và bị hại anh Trịnh Văn D có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134), các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Ngọc T 02 (hai) năm tù. Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ

luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 07 năm tù tại Bản án số 59/2023/HS-ST ngày 22/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình. Như vậy, bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giữ tại bản án trước (ngày 23/3/2023).

3. Về bồi thường thiệt hại: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Ngọc T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo Trần Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/3/2025). Bị hại anh Trịnh Văn D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Dương